

Họ, tên thí sinh:.....
Số báo danh:.....

ĐỀ THI GỒM 80 CÂU (TỪ CÂU 1 ĐẾN CÂU 80) DÀNH CHO TẤT CẢ THÍ SINH.

Chọn phương án đúng (ứng với A hoặc B, C, D) điền vào chỗ trống trong các câu sau.

Câu 1: Phiên âm đúng của từ 纯洁 là: chún_____jié.

- A. q B. x C. d D. j

Câu 2: Phiên âm đúng của từ 丰收 là: f_____shōu.

- A. ēn B. ēng C. ān D. ōng

Câu 3: Phiên âm đúng của từ 和睦 là: _____.

- A. hémù B. hémǔ C. hémū D. hēmù

Câu 4: Phiên âm đúng của từ 推销 là: tuīx_____.

- A. uē B. iāo C. uān D. āo

Câu 5: Phiên âm đúng của từ 增长 là: _____ēngzhǎng.

- A. zh B. ch C. c D. z

Câu 6: Phiên âm đúng của từ 照料 là: _____.

- A. zhāoliào B. zhāoliāo C. zhàoliāo D. zhàoliào

Chọn phương án đúng (ứng với A hoặc B, C, D) điền vào chỗ trống trong các câu sau.

Câu 7: 来越南不去下龙湾看看，那真是太可_____了。

- A. 蜡 B. 惜 C. 腊 D. 昔

Câu 8: 人们总是可以敏感地觉_____到自己的苦处，可是对别人的痛处缺乏了解。

- A. 蔡 B. 擦 C. 察 D. 查

Câu 9: 近年来局部战争时有发生，但和平与发展_____是当今世界两大主题。

- A. 仍 B. 及 C. 扔 D. 极

Câu 10: 人口、环境与发展三大问题_____切相关，必须同时解决。

- A. 密 B. 宓 C. 秘 D. 蜜

Câu 11: 这些女孩儿最喜欢穿很时_____的衣服。

- A. 毛 B. 豪 C. 毫 D. 髦

Đọc kỹ đoạn văn dưới đây và chọn phương án đúng (ứng với A hoặc B, C, D), từ câu 12 đến câu 16.

纸张可分为原生纸和再生纸。原生纸的生产原料是木材，全世界每年因生产纸张而消耗的木材料是相当惊人的。再生纸可用废纸作原料。据统计，回收 1000 千克废纸，可生产 800 千克的再生纸，节约木材 4 立方米，相当于保护 17 棵大树。一个大城市如能将一年丢弃的近万吨废纸全部回收利用，就相当于保护了几十万棵大树。这不仅节约了造纸的木材，更重要的是间接地保护了森林资源，保护了地球上的生态环境。

回收废纸用于制造再生纸，还有相当可观的经济效益。比如建造一个以废纸为原料的纸厂，可以省去以原木为原料造纸时的原木加工处理工序，因而节约投资 50%。另外用废纸造纸，水、电、煤的消耗也大大减少，使再生纸的生产成本大大降低。

目前，世界各国对废纸的回收利用相当重视。如日本全国的废纸回收率在 50%以上，德国高达 83%，而美国更是废纸利用和废纸出口的大国。据悉，美国除了将废纸中的主要成分废报

纸送入纸厂制造再生纸浆外，又开发出了两种利用价值更高的新用途——用废纸改良土壤，用废报纸生产饲料，都取得了成功。

回收废纸，减少了城市的垃圾量，也减少了对森林的砍伐量，还降低了再生纸生产的成本价格，真可谓一举多得。

(选自 石梅、马栏等编著《轻松阅读中级汉语泛读》，北京大学出版社，2006年)

Câu 12: 根据短文内容以下哪一项是正确的？

- A. 生产 800 千克纸需要 17 棵大树 B. 生产 1000 千克纸需要 17 棵大树
C. 1000 千克废纸可以生产 4 立方米木材 D. 4 立方米木材可以生产 1000 千克纸

Câu 13: 关于原生纸和再生纸，下面哪项不正确？

- A. 再生纸比原生纸便宜 B. 用废纸造纸可以节约能源
C. 和原生纸比，再生纸可以降低 50% 的成本 D. 废纸回收对保护地球的生态环境有好处

Câu 14: 开发废纸新用途的国家是：

- A. 中国 B. 美国 C. 德国 D. 日本

Câu 15: 废纸的新用途是：

- A. 产生水、电、纸浆 B. 生产饲料、再生纸浆
C. 生产水、电、饲料 D. 生产饲料、改良土壤

Câu 16: 这篇短文想告诉我们：

- A. 再生纸是用什么制造的 B. 世界各国是怎么回收废纸的
C. 为什么要回收废纸 D. 如何分类纸张

Chọn phương án đúng (ứng với A hoặc B, C, D) điền vào chỗ trống trong đoạn văn sau, từ câu 17 đến câu 26.

我从青城山走下来，刚走到汽车前，突然发现身后有一个七八岁的男孩儿，看样子他是跟了我一阵子了。他手里拿着(17)_____白铁链说：“你买了吧。”我忍不住笑了，说：“我不买，我不(18)_____这玩意儿。”可他仍旧盯着我不离开。我回过身，冲着他往远处一指说：“你去那边看看吧，也许有人买。”随即踏进车门。男孩子一下子哭了，是一种既委屈(19)_____伤心的哭。他一面哭一面说：“你买了吧，我上学还没有学费呢。”我的心一下子(20)_____了。我又走下车，问他要几块钱。“三块。”我边掏钱边说：“你真会做买卖，谁教的？”这时走(21)_____一位老婆婆说：“他爹妈都不在了，他是(22)_____奶奶过。”原来这样，我稍稍停了一会儿，马上拿出五十块钱递给他。他睁大眼睛，吃惊地望着我，突然接过钱，没说话，转身(23)_____跑了。

上了车，我看着他跑的那条小路，忽然在小路的尽头出现了他的(24)_____。他手里提着一个塑料袋向我这儿跑过来。我想：“糟了，不知又向我推销什么？”我马上关上车门。他跑到窗下，把塑料袋举给我：“这是青城山特产的栗子，是送给你的。”我心里有点不是(25)_____，说道：“阿姨不要。”可他一个劲地说：“拿着嘛，拿着嘛。”我只好拿了一些。见我装到兜里，他高兴地(26)_____我笑了，但愿他能永远笑下去。

(选自 刘学敏等编著《中级汉语练习题萃》，北京大学出版社，2008年)

Câu 17: A. 一条 B. 一棵 C. 一根 D. 一片

Câu 18: A. 系 B. 带 C. 穿 D. 戴

Câu 19: A. 或 B. 越 C. 有 D. 又

Câu 20: A. 热 B. 疼 C. 软 D. 凉

Câu 21: A. 过去 B. 出来 C. 上来 D. 过来

Câu 22: A. 跟从 B. 随着 C. 跟着 D. 顺着

Câu 23: A. 偏 B. 就 C. 只 D. 才

- Câu 24:** A. 身体 B. 阴影 C. 身影 D. 个子
Câu 25: A. 味道 B. 滋味 C. 风味 D. 趣味
Câu 26: A. 就 B. 往 C. 同 D. 朝

Chọn phương án đúng (ứng với A hoặc B, C, D) xác định từ loại của từ gạch chân trong các câu sau.

- Câu 27:** 几年来，他们用勤劳的双手使生活发生了根本的变化。
A. 代词 B. 形容词 C. 名词 D. 副词
Câu 28: 越南加入世界贸易组织后，大大方便了国内企业的经营。
A. 动词 B. 名词 C. 形容词 D. 副词
Câu 29: 为了让孩子们能够考上大学，很多父母还是给孩子找补习班。
A. 介词 B. 动词 C. 副词 D. 连词
Câu 30: 随着改革开放的深入，普通百姓接触国外新鲜事物的机会也越来越多，视野也开阔了。
A. 动词 B. 连词 C. 介词 D. 代词
Câu 31: 你不了解事情的经过，怎么可以乱讲话。
A. 动词 B. 形容词 C. 副词 D. 名词

Chọn phương án đúng (ứng với A hoặc B, C, D) giải thích cho từ/cụm từ gạch chân trong các câu sau.

- Câu 32:** 我们在一起学习四年，眼看就要分开了，心里真有点儿舍不得。
A. 知道 B. 后来 C. 马上 D. 看见
Câu 33: 生产的发展大大地改善了人民的物质生活和精神生活。
A. 改良 B. 提高 C. 进步 D. 日益
Câu 34: 在老师的多次劝告和母亲的督促下，我总算能够按时上课了。
A. 老是 B. 总是 C. 究竟 D. 终于
Câu 35: 小娟是个热心肠儿，特别喜欢给别人帮忙。
A. 喜欢热闹的人 B. 热情的人
C. 爱交往的人 D. 喜欢管闲事儿的人
Câu 36: 每天工作这么长时间，身体怎么吃得消?
A. 支持得住 B. 吃了饭不消化 C. 支持不住 D. 吃了饭能消化
Câu 37: 专家说生吃胡萝卜不利于人体对维生素的吸收。
A. 不煮就吃 B. 没去掉皮就吃 C. 不想吃而勉强吃 D. 没长熟就吃
Câu 38: 你这样做解决不了这个问题，只会帮倒忙。
A. 帮不了忙却给添麻烦 B. 到处帮别人的忙
C. 想帮别人的忙却帮不上 D. 不能够帮别人的忙
Câu 39: 这次回家乡，看到这里的一草一木，都感到很亲切。
A. 亲自 B. 亲近 C. 亲手 D. 亲身
Câu 40: 现在社会需要有经济头脑的人才。
A. 脑力 B. 领导 C. 意识 D. 计划
Câu 41: 这间房子虽然不大，装饰得倒挺讲究。
A. 精美 B. 乐观 C. 可观 D. 精彩
Câu 42: 尽管地球上 70%是水，然而，淡水却只占总水量的 2.6%左右。
A. 但是 B. 虽然 C. 而且 D. 并且
Câu 43: 在新加坡，城市公共交通高效、迅捷、方便，堵车现象确实少见。
A. 确切 B. 明确 C. 真实 D. 的确
Câu 44: 你来中国两年多了，处理问题就是比我们有经验。
A. 交往 B. 安排 C. 解决 D. 处分

Chọn phương án đúng (ứng với A hoặc B, C, D) hoàn thành các câu sau.

Câu 45: 他是我_____见到的最诚实的孩子了。

- A. 地 B. 得 C. 的 D. 所

Câu 46: _____营养的角度讲, 还是简单些的家庭饭菜更有利于健康。

- A. 关于 B. 对于 C. 对 D. 从

Câu 47: 小城市的这种轻松悠闲的生活对我这种人很_____。

- A. 适时 B. 适当 C. 合适 D. 适度

Câu 48: 晚会肯定是要举行的, _____演什么节目, 以后要专门开会研究。

- A. 以至 B. 至于 C. 从而 D. 甚至

Câu 49: 很快就放假了, 弟弟打算_____就去顺化旅行。

- A. 完了考试 B. 先考试 C. 考完了试 D. 考试了

Câu 50: 他工作的时候_____极了, 你跟他说话他就像没听见一样。

- A. 关心 B. 放心 C. 专心 D. 担心

Câu 51: 当年他是全村里唯一一个考上大学的, 这儿的男女老少_____不认识他?

- A. 什么 B. 谁 C. 哪里 D. 哪

Câu 52: 我们学习文学, 是要把文学当作事业去创造、去发展, _____把它当作手中的玩物。

- A. 也就是 B. 反而是 C. 而且是 D. 而不是

Câu 53: _____的手机我用得多了, 还都不如这个好用。

- A. 每种各样 B. 每种每样 C. 各种各样 D. 各种每样

Câu 54: 政府采取了一系列的环保措施, _____人民创造了一个优美的生活环境。

- A. 给 B. 使 C. 让 D. 向

Câu 55: 老朋友_____是老朋友, 遇到困难时他总是第一时间出现。

- A. 到底 B. 最后 C. 必定 D. 格外

Câu 56: 第一场雪过后, 孩子们兴奋得在雪地上堆雪人、打雪仗, 他们的手冻得_____的。

- A. 冰冰凉凉 B. 冰凉极了 C. 非常冰凉 D. 冰凉冰凉

Câu 57: 一个人的成功与失败_____在于他天生的环境如何, _____在于他的态度与做法。

- A. 不……也…… B. 不……而…… C. 不……还…… D. 不……就……

Câu 58: 买书, 重要的不是价格, 而是其使用价值, _____买它何用?

- A. 因此 B. 否则 C. 何况 D. 并且

Câu 59: 在经历了失败后, 他不但没有消沉, _____坚定了信心。

- A. 反之 B. 反复 C. 反而 D. 反正

Câu 60: 他决定离开那家公司是因为_____工作压力太大, _____待遇不够好。

- A. 一来……二来…… B. 一方面……一方面……
C. 一边……一边…… D. 一面……一面……

Câu 61: 他现在学习不好, 你要帮他一_____。

- A. 次 B. 把 C. 回 D. 件

Câu 62: 你的人生该_____着怎样的路去走, 完全取决于你个人, 没有人会提醒你。

- A. 沿 B. 跟 C. 往 D. 随

Câu 63: 你_____找张经理, _____找李经理, 不管有他俩谁的签字都行。

- A. 还是……还是…… B. 不仅……反而……
C. 一是……一是…… D. 或者……或者……

Câu 64: _____都是北京传统的四合院，引得不少中外友人来此参观。

- A. 那一排排的小平房马路对面
- B. 那一排排的小平房对面马路
- C. 对面马路那一排排的小平房
- D. 马路对面那一排排的小平房

Câu 65: 她是个温柔、美丽、善良的姑娘，给我的_____是很深刻的。

- A. 形象
- B. 印象
- C. 想念
- D. 记忆

Câu 66: 这种东西我们家乡多_____, 怎么到这里都成宝贝了。

- A. 着呢
- B. 着呢
- C. 着了
- D. 着呢

Câu 67: 你如果有一个愉快的心境，快乐就_____很简单了。

- A. 变成
- B. 变得
- C. 成为
- D. 变化

Câu 68: 一_____金星红旗在巴亭广场上迎风飘扬。

- A. 面面
- B. 张张
- C. 件件
- D. 条条

Câu 69: 听说明天你们去长城，我跟你们一起去行吗？我还没去过长城_____!

- A. 呢
- B. 嘛
- C. 吧
- D. 啊

Câu 70: _____最后考试得多少分，只要比以前进步了，_____应该感到满意。

- A. 不但……而且……
- B. 哪怕……就……
- C. 不管……就……
- D. 尽管……都……

Câu 71: 他几十年如一日，每天都坚持早起锻炼，_____节假日_____不例外。

- A. 无论……都……
- B. 即使……也……
- C. 只要……就……
- D. 既然……就……

Chọn vị trí đúng (ứng với A hoặc B, C, D) cho từ/ cụm từ trong ngoặc.

Câu 72: A 上课的时间 B 快到了，恐怕 C 吃 D 早饭了。 (来不及)

Câu 73: 他 A 这个学期的 B 考试 C 成绩 D 好多了。 (比上学期)

Câu 74: A 王林 B 能有 C 今天的辉煌，完全是靠 D 他身上的那股拼劲儿。 (人家)

Câu 75: 以后每隔三 A 个 B 月 C 左右 D，由公司组织一次情况报告会。 (半)

Câu 76: A 中央台 B 今晚 C 转播越南队和泰国队 D 的足球比赛。 (通过卫星)

Câu 77: 要想 A 在短期内把 B 口语水平提高 C，非得下一番苦功夫 D 不可。 (起来)

Câu 78: A 跟他 B 打过交道的，C 没有说他 D 不好的。 (凡是)

Câu 79: 我 A 下了决心 B，今后一定要 C 让父母 D 为我骄傲。 (暗暗)

Câu 80: 关于这件事，学校 A 准备 B 了解 C 一下儿 D 当时的情况。 (找每个人)

----- HẾT -----